

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 5 (C1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 09 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 5 (Tương đương C1 theo CEFR) Ngày kiểm tra: 27/12/2025
Phòng kiểm tra: C1.PT01 CBCKTr1: Ký tên:.....
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói) CBCKTr2: Ký tên:.....
Chiều 13:30 - 16:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAC1.09.001	211A140133	Lê Trung Tuấn	Anh	19/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAC1.09.002	211A140289	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	06/04/2003	Đồng Nai		
3	VHU.TAC1.09.003	211A140408	Nguyễn Hứa Khánh	Băng	26/09/2003	Tây Ninh		
4	VHU.TAC1.09.004	211A140094	Võ Duy	Bảo	15/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAC1.09.005	181A160175	Phạm Quốc	Bảo	13/09/2000	Đồng Tháp		
6	VHU.TAC1.09.006	211A140110	Dương Gia	Bảo	09/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAC1.09.007	211A140075	Lữ Ngọc Anh	Cơ	16/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAC1.09.008	201A140372	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	13/02/2002	Quảng Bình		
9	VHU.TAC1.09.009	221A140471	Phan Đoàn Khánh	Duy	17/06/2004	Vĩnh Long		
10	VHU.TAC1.09.010	201A140260	Lê Thị Huỳnh	Giao	31/03/2002	An Giang		
11	VHU.TAC1.09.011	211A140079	Lê Ngọc	Hân	26/04/2003	Vĩnh Long		
12	VHU.TAC1.09.012	221A140155	Lê Thị Phi	Hân	16/12/2003	An Giang		
13	VHU.TAC1.09.013	221A140297	Thân Thị Hồng	Hạnh	09/01/2004	Đắk Lắk		
14	VHU.TAC1.09.014	211A140280	Lưu Phong	Hòa	11/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAC1.09.015	171A140198	Trần Quang	Huy	11/05/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAC1.09.016	191A140052	Huỳnh Công	Huy	29/06/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAC1.09.017	221A140429	A	Hỷ	01/06/2004	Quảng Ngãi		
18	VHU.TAC1.09.018	211A140386	Nguyễn Trần Ngọc	Lan	06/05/2003	Tây Ninh		
19	VHU.TAC1.09.019	221A140298	Nguyễn Thị Thuý	Linh	14/10/2004	Đắk Lắk		
20	VHU.TAC1.09.020	221A140170	Phạm Nguyễn Kiều	Linh	01/09/2004	Khánh Hoà		
21	VHU.TAC1.09.021	211A140146	Phạm Ngọc Bích	Ngân	03/12/2003	Cà Mau		
22	VHU.TAC1.09.022	221A140025	Lê Nguyễn Thanh	Ngân	22/09/2004	Vĩnh Long		
23	VHU.TAC1.09.023	221A140415	Trần Thảo	Ngân	05/12/2004	Gia Lai		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAC1.09.024	201A140232	Nguyễn Hoàng Xuân	Ngân	10/09/2002	Lâm Đồng		
25	VHU.TAC1.09.025	181A140337	Đinh Tô Minh	Nguyên	25/06/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAC1.09.026	211A140126	Nguyễn Trần Thảo	Nguyên	01/01/2003	Tây Ninh		
27	VHU.TAC1.09.027	211A140139	Thái Thị Thu	Nguyệt	04/10/2003	Lâm Đồng		
28	VHU.TAC1.09.028	201A140380	Nguyễn Thanh Thảo	Nhi	27/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAC1.09.029	211A140187	Nguyễn Trần Thuý	Nhi	28/08/2003	Lâm Đồng		
30	VHU.TAC1.09.030	201A140070	Nguyễn Phương	Nhi	07/01/2002	An Giang		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 5 (C1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 09 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 5 (Tương đương C1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: C1.PT02
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)
Chiều 13:30 - 16:30 (Nghe - Đọc - Viết)

Ngày kiểm tra: 27/12/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAC1.09.031	221A140366	Lê Thị Huỳnh	Như	26/12/2004	Đồng Tháp		
2	VHU.TAC1.09.032	191A140198	Phạm Quỳnh	Như	31/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAC1.09.033	211A140105	Phùng Thị Hồng	Nhung	31/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAC1.09.034	221A140428	A	Nurk	07/11/2003	Gia Lai		
5	VHU.TAC1.09.035	211A010356	Phạm Dương Công	Phúc	15/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAC1.09.036	211A140286	Mai Hoàng	Quý	13/04/2003	Cà Mau		
7	VHU.TAC1.09.037	211A140456	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	22/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAC1.09.038	211A140001	Võ Nguyễn Xuân	Quỳnh	03/08/1994	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAC1.09.039	221A140491	Trần Thị Như	Quỳnh	14/07/2004	Lâm Đồng		
10	VHU.TAC1.09.040	221A140557	Võ Tổ	Quỳnh	30/06/2004	Đắk Lắk		
11	VHU.TAC1.09.041	181A140362	Tô Thị Hoài	Sang	05/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAC1.09.042	221A140084	Mai Thị Ngọc	Thư	11/10/2004	Thành phố Cần Thơ		
13	VHU.TAC1.09.043	201A140360	Đào Ngọc Minh	Thư	20/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAC1.09.044	171A140079	Nguyễn Thị Anh	Thúy	13/06/1998	Đồng Tháp		
15	VHU.TAC1.09.045	221A140227	Đặng Thị Thanh	Thúy	01/01/2004	Gia Lai		
16	VHU.TAC1.09.046	211A140108	Lò Thị Minh	Thúy	04/01/2003	Quảng Ngãi		
17	VHU.TAC1.09.047	211A140373	Vũ Thị	Thúy	20/01/2003	Thanh Hóa		
18	VHU.TAC1.09.048	201A140170	Lê Võ Ngọc	Trà	10/04/2002	Lâm Đồng		
19	VHU.TAC1.09.049	211A140412	Lê Vũ Đoan	Trang	12/07/2003	Đồng Nai		
20	VHU.TAC1.09.050	191A140226	Lê Thành	Trung	21/07/2001	Thành phố Đồng Tháp		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
21	VHU.TAC1.09.051	171A140211	Ngô Thụy Cát	Tường	12/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAC1.09.052	211A140413	Nguyễn Thị Hồng	Tuyền	10/01/2003	Lâm Đồng		
23	VHU.TAC1.09.053	221A140370	Lã Thị Thanh	Tuyền	21/08/2004	Đồng Nai		
24	VHU.TAC1.09.054	211A140204	Nhữ Hạ	Tuyết	20/06/2003	Đắk Lắk		
25	VHU.TAC1.09.055	221A140472	Nguyễn Trần Tú	Uyên	29/01/2004	Quảng Ngãi		
26	VHU.TAC1.09.056	211A140214	Đặng Thị Thảo	Uyên	21/10/2003	Thành phố Huế		
27	VHU.TAC1.09.057	211A140417	Đoàn Quang	Vĩ	06/02/2002	Đồng Nai		
28	VHU.TAC1.09.058	171A140173	Nguyễn Lương Hải	Vy	13/02/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAC1.09.059	221A140168	Nguyễn Phương	Vy	12/01/2004	Thành phố Cần Thơ		
30	VHU.TAC1.09.060	201A140029	Trần Thị Kim	Ý	14/09/2002	Lâm Đồng		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà